

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/DS-ST**
Ngày 18-5-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Liêm**

2. Bà **Ngô Thị Phương Trang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lễ** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 19/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1969

Bị đơn: Bà **Hứa Thị V**, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện D, thành phố Cần Thơ.

(Bà M có mặt, bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày như sau:

Vào năm 2016 bà có cho bà V vay số tiền là 10.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng, không thỏa thuận lãi suất, việc vay tiền không làm giấy tờ hay văn bản gì, bà V vay tiền sử dụng vào mục đích gì thì bà không rõ. Sau đó bà V có trả cho bà

được số tiền 5.000.000 đồng, việc trả tiền không có làm giấy tờ hay biên nhận gì, hiện nay bà V còn nợ lại số tiền 5.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà V có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ vay là 5.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/01/2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà Hứa Thị V trình bày như sau:

Thừa nhận vào năm 2016 bà có vay của bà M số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay tiền dùng để chữa bệnh. Việc vay tiền các bên không có làm giấy tờ hay biên nhận gì.

Sau đó bà đã trả cho bà M được tổng cộng số tiền là 8.000.000 đồng, trả thành 02 lần không nhớ rõ ngày tháng năm, lần thứ nhất trả số tiền 5.000.000 đồng, lần thứ hai trả được số tiền 3.000.000 đồng, việc trả tiền không có làm giấy tờ gì nhưng có xác nhận của các bên do bà tự ghi vào sổ để theo dõi, hiện nay bà chỉ còn nợ lại số tiền 2.000.000 đồng. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà đồng ý trả số tiền 2.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Huỳnh Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Hứa Thị V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Hứa Thị V có nơi cư trú tại ấp Q, xã T, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Hứa Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

[3] Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21/9/2020 bà Huỳnh Thị M khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Mộng T nhưng quá trình giải quyết vụ án thì bà M có đơn khởi kiện bổ sung kiện bà Huỳnh Thị V. Ngày 12/01/2021 nguyên đơn có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Mộng T nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này mà không triệu tập bà Nguyễn Thị Mộng T tham gia với tư cách là bị đơn trong vụ án.

[4] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Vào năm 2016 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 10.000.000 đồng, việc vay tiền không làm hợp đồng hay giấy tờ gì khác, sau đó bị đơn có trả được số tiền 5.000.000 đồng và còn nợ lại 5.000.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả lại số tiền này, lời khai của phía nguyên về việc có cho bị đơn vay tiền được bị đơn thừa nhận. Vì vậy, về tình tiết bị đơn nợ có vay tiền của nguyên đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét lời khai của bị đơn cho rằng bà đã trả cho nguyên đơn được số tiền 8.000.000 đồng nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, lời khai này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận. Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, tính đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã được Tòa án đã ấn định thời gian yêu cầu bị đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả cho nguyên đơn được số tiền 8.000.000 đồng nhưng đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục sơ thẩm, bị đơn vẫn không giao nộp tài liệu, chứng cứ, lời khai này của bị đơn cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định bị đơn không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình.

[6] Từ những tình tiết và sự kiện nêu trên, có đủ cơ sở để xác định việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn còn nợ lại 5.000.000 đồng là có thật. Đến hạn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo khoản 1 Điều Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005: “...1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn....”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M về việc buộc bị đơn bà V có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà V là người cao tuổi, thuộc diện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà V không có đơn đề nghị và không nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo để được xem xét. Vì vậy, không có căn cứ để miễn án phí cho bà Đua theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà V vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 92 ;Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 163; Điều 256; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;

- Các điều 115, 357, 468, 429; điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Hứa Thị V.

Buộc bà Hứa Thị V có trách nhiệm thanh toán cho bà Huỳnh Thị Mai số tiền nợ vay là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) .

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả thì phải chịu lãi suất chậm trả, tính trên số nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M về việc yêu cầu đối với bà Nguyễn Thị Mộng T.

3. Về án phí:

3.1 Bà Hứa Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3.2 Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm đồng*) theo biên lai thu số 016562 ngày 12.11.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Cẩm Phường